

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ GLC VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ GLC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLC VIET NAM TECHNOLOGY AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109089038

3. Ngày thành lập: 17/02/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 9 ngõ 25 đường Nguyễn Ngọc Vũ, Tổ 2, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
2.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
3.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
4.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
5.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
6.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
7.	Thu gom rác thải độc hại	3812
8.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821

9.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
10.	Tái chế phế liệu	3830
11.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
13.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130(Chính)
14.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
15.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
16.	Trồng cây hàng năm khác	0119
17.	Trồng cây lâu năm khác	0129
18.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
19.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
20.	Khai thác thủy sản biển	0311
21.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
22.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
23.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
24.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
25.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
26.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
27.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
28.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
29.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
30.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
31.	Trồng lúa	0111
32.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
33.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
34.	Trồng cây mía	0114
35.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
36.	Trồng cây lấy sợi	0116
37.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
38.	Trồng cây ăn quả	0121
39.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
40.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
41.	Trồng cây điều	0123
42.	Trồng cây hồ tiêu	0124
43.	Trồng cây cao su	0125
44.	Trồng cây cà phê	0126
45.	Trồng cây chè	0127

46.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
47.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
48.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
49.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
50.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
51.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
52.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
53.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
54.	Sản xuất điện	3511
55.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
56.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
57.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
58.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
59.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
60.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
61.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
62.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
63.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
64.	Xây dựng nhà để ở	4101
65.	Xây dựng nhà không để ở	4102
66.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
67.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
68.	Xây dựng công trình điện	4221
69.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
70.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
71.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
72.	Xây dựng công trình thủy	4291
73.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
74.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
75.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

76.	Phá dỡ	4311
77.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm việc cho nổ, dò bom, mìn và các loại tương tự)	4312
78.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
79.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
80.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành: - Kinh Doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh Doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
81.	Đại lý du lịch	7911
82.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
83.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
84.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
85.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
86.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
87.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
88.	Cho thuê xe có động cơ	7710
89.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
90.	Quảng cáo	7310
91.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
92.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
93.	Bán buôn thực phẩm	4632
94.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
95.	Bán buôn đồ uống	4633
96.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
97.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610

98.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
99.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ được phẩm)	4649
100.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

6. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TOTAL POWER	168 Trần Bình Trọng, Phường 3, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	408.000	4.080.000.000	51,000	3200700011	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	408.000	4.080.000.000	51,000		

2	NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN	Số 09 ngõ 25 Nguyễn Ngọc Vũ, Tổ 2, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	160.000	1.600.000.000	20,000	001176021950
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	160.000	1.600.000.000	20,000	
3	ĐẶNG HỒNG ĐĂNG	P412-A12 tập thể Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	72.000	720.000.000	9,000	034082004097
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	72.000	720.000.000	9,000	
4	VŨ BẮC HÀ	P407 nhà A12, Tập thể Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	160.000	1.600.000.000	20,000	001069000185
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	160.000	1.600.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐẶNG HỒNG ĐĂNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/01/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034082004097

Ngày cấp: 04/02/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P412-A12 tập thể Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P412-A12 tập thể Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội